

Số: /BC-BDT

Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về Bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện Công văn số 2195/UBNDT-DTTS, ngày 27/11/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Sở, ngành và địa phương. Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông tổng hợp, báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

#### Phần I

#### THỰC TRẠNG BÌNH ĐẲNG GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

##### 1. Tổng hợp, đánh giá về thực trạng bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh

a) *Đánh giá về thực trạng bình đẳng giới trong các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa xã hội, kinh tế, tham gia chính trị, hoạt động cộng đồng...*

Tỉnh Đắk Nông có tổng số 706.327 người với 40 thành phần dân tộc cùng sinh sống, số lượng dân tộc thiểu số là 227.270 người chiếm 32,17% so với tổng dân số. Nền kinh tế - xã hội của tỉnh hiện nay đã có những chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hiệu quả công tác bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh; các cơ quan đơn vị đã có sự phối hợp trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về bình đẳng giới, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, trong đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân về thực hiện bình đẳng giới. Tỷ lệ nữ tham gia trong hệ thống chính trị ở tỉnh Đắk Nông có sự tăng lên qua các nhiệm kỳ. Việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đạt được những kết quả cao và mang tính bền vững.

##### b) *Những vấn đề giới nổi cộm trên địa bàn tỉnh*

Tỷ lệ phụ nữ và nam giới tương đối cân bằng, nhưng phụ nữ dân tộc thiểu số đang là nhóm đối tượng yếu thế. Họ phải chịu nhiều thiệt thòi, chịu sự bất bình đẳng về giới từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Ngoài ra, bạo lực trong gia đình dân tộc thiểu số xảy ra khá phổ biến, nhất là ở những dân tộc phụ hệ. Một số dân tộc còn tin rằng, chồng có quyền đánh vợ nếu vợ ra ngoài mà không xin phép, cãi chồng,... Một số dân tộc vẫn còn trọng nam, khinh nữ, ưu tiên con trai đi học,

phụ nữ phải ở nhà hoặc bỏ học để phụ giúp gia đình và lấy chồng. Vì thế, nam giới dân tộc thiểu số biết đọc, biết viết cao hơn nhiều so với nữ giới.

*c) Thống kê số liệu liên quan đến bình đẳng giới*

- Số lượng cán bộ chuyên trách kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới: Tổng số cán bộ làm công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ là 312 người (Trong đó: cán bộ thuộc Ban VSTBCPN tỉnh và Ban VSTBCPN tại các cơ quan đơn vị cấp tỉnh: 166 người, Ban VSTBCPN các huyện, thành phố: 146 người).

- Số vụ bạo lực gia đình: toàn tỉnh xảy ra 14 trẻ em bị xâm hại tình dục, 01 em bị bạo lực, 02 vụ bạo lực gia đình; 22 trẻ em bị chết đuối

- Số lượng các vụ buôn bán phụ nữ và trẻ em: chưa phát hiện vụ nào.

- Số lượng các vụ bạo lực trên cơ sở giới tại trường học, cộng đồng: chưa phát hiện.

- Các cuộc thanh tra, kiểm tra và xử phạt các vi phạm liên quan đến bình đẳng giới: Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh tổ chức kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ tại 03 đơn vị gồm Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, huyện Krông Nô. Qua kiểm tra cho thấy công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các đơn vị có sự quan tâm triển khai thực hiện, kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định: Công tác tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ tổ chức thông qua nhiều hình thức đa dạng; nữ giới đảm nhiệm các chức vụ cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội được quan tâm; việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo đã đạt được kết quả cao và mang tính bền vững.

**2. Những yếu tố, nguyên nhân cơ bản gây ra tình trạng bất bình đẳng tại cộng đồng, địa phương**

- Cấp ủy Đảng và chính quyền ở một số cơ quan, đơn vị và địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức đến hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới nhìn chung còn thiếu về số lượng, hạn chế về kiến thức, kỹ năng và thiếu kinh nghiệm trong tổ chức triển khai nhiệm vụ. Kinh phí địa phương bố trí cho công tác bình đẳng giới rất thấp, chủ yếu lồng ghép vào các chương trình thực hiện chuyên môn của đơn vị, đặc biệt tại các huyện, thành phố.

- Đắk Nông là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số; địa bàn cư trú rộng; phần lớn ở những vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; số lượng dân di cư tự do đến địa bàn tỉnh chiếm tỷ lệ lớn chủ yếu là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn thấp nên việc nhận thức về pháp luật về bình đẳng giới và chuyển đổi hành vi trong bình đẳng giới còn nhiều hạn chế.

**Phần II**

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU VÀ MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2024**

### **1. Công tác chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của chính phủ.**

- Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 06/4/2021 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Kế hoạch số 560/KH-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2021 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Với mục tiêu và mục đích là xác định nhiệm vụ cụ thể, đề ra giải pháp và phân công, phối hợp triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả, nhằm đạt mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 28/NQ-CP đề ra. Kế hoạch tập trung và các nhiệm vụ và giải pháp chính là (1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện về bình đẳng giới; (2) Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của Sở, Ban, ngành, địa phương; (3) Triển khai các chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; nâng cao năng lực về bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác pháp chế, tăng cường lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách; (4) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân về bình đẳng giới. Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới từ ngày 15 tháng 11 đến ngày 15 tháng 12 thiết thực, hiệu quả, có sức lan tỏa; (5) Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng định kỳ nhằm nâng cao kiến thức nghiệp vụ về hoạt động bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác bình đẳng giới; (6) Bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới: Bố trí nhân lực để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới; tăng cường phối hợp liên ngành; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý về bình đẳng giới, cung cấp dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra; (7) Vận động sự tham gia đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện các vấn đề về bình đẳng giới; (8) Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới; vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu thống kê về giới. Tổng hợp, thống kê, báo cáo về tình hình thực hiện các mục tiêu chỉ tiêu về bình đẳng giới; (9) Lồng ghép

đánh giá hàng năm về trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Trên cơ sở đó, các cấp các ngành và địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh.

- Thực hiện Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch số 520/KH-UBND ngày 08/9/2022, về kế hoạch thực hiện chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Kế hoạch đề ra mục tiêu (1) Đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75%, các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. Đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù có tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thấp dưới 30% có thể điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị; (2) Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp đạt ít nhất 40% vào năm 2025 và đạt 50% vào năm 2030; (3) Tỷ lệ cán bộ nữ trong diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đạt 75% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030; (4) Ở những địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số, có cán bộ lãnh đạo nữ là người dân tộc thiểu số phù hợp với cơ cấu dân cư.

- Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 640/KH-UBND, ngày 07/11/2022 về Triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025. Kế hoạch xây dựng nhằm **mục đích** cụ thể hóa các nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, hoạt động và đạt các chỉ tiêu của Dự án đặt ra đến năm 2025; Nâng cao nhận thức, hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng dân tộc thiểu số; Xác định vai trò, trách nhiệm của các Hội phụ nữ trong tổ chức thực hiện Dự án và tham gia thực hiện Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi tại địa phương; **mục tiêu nhằm** nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng dân tộc thiểu số

## **2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu và mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2024:**

### **a. Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị**

- Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia các cấp ủy Đảng:

+ Cấp tỉnh: Nhiệm kỳ 2015-2020: Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh là 5/51 người, chiếm tỷ lệ 9,8%; Ban thường vụ là 01/14 người, chiếm tỷ lệ 7,14%. Nhiệm kỳ 2020-2025 tính đến thời điểm hiện tại: Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh là 6/44 người, chiếm tỷ lệ 12,5% (tăng 2,8% so với nhiệm kỳ trước); Ban thường vụ là 01/14 người, chiếm tỷ lệ 7,1%.

+ Cấp huyện: Nhiệm kỳ 2015-2020: Ban chấp hành là 48/326 người, chiếm tỷ lệ 14,72%; Ban thường vụ 9/93 người, chiếm tỷ lệ 9,67%; Phó bí thư 01/18 người, chiếm tỷ lệ 5,55%. Nhiệm kỳ 2020-2025: Ban chấp hành là 54/376 người, chiếm tỷ lệ 14,36%; Ban thường vụ 12/114 người, chiếm tỷ lệ 10,53%.

+ Cấp xã: Nhiệm kỳ 2020-2025: Chiếm tỷ lệ 25,07% (tăng 4,01%) so với nhiệm kỳ 2015-2020.

- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội: Nhiệm kỳ 2016-2021: 01/6 đại biểu, chiếm tỷ lệ 16,67%; nhiệm kỳ 2021-2026: 2/6 đại biểu, chiếm tỷ lệ 33,33%; tăng 16,66% (2/1 nữ đại biểu).

- Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp:

+ Cấp tỉnh: Nhiệm kỳ 2016-2021 có 10/52 đại biểu, chiếm 19,23%; **nhiệm kỳ 2021-2026** có 15/52 đại biểu nữ, chiếm 28,85%, tăng 9,62 % so với nhiệm kỳ trước (15/10 nữ đại biểu).

+ Cấp huyện: Nhiệm kỳ 2016-2021 có 62/285 đại biểu, chiếm 21,75%; nhiệm kỳ 2021-2026 có 64/271 đại biểu, chiếm 23,61%; tăng 1,86%.

+ Cấp xã: Nhiệm kỳ 2016-2021 có 493/2.078 đại biểu, chiếm 23,72%; nhiệm kỳ 2021-2026 có 405/1.759 đại biểu, chiếm 23,02%, giảm 0,7% so với nhiệm kỳ trước.

- Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ, đạt tỷ lệ 60% (48/80 đơn vị): đạt so với mục tiêu đến năm 2025 của tỉnh (60%). Trong đó, cấp tỉnh: HĐND và UBND đều có Lãnh đạo chủ chốt là nữ; Cấp huyện: Có 5/8 huyện, thành phố có Lãnh đạo chủ chốt là nữ trong HĐND hoặc UBND, gồm: Đắc Mil, Đắc R'láp, Đắc Song, Krông Nô và Gia Nghĩa; Cấp xã: 42/71 có Lãnh đạo chủ chốt là nữ trong HĐND hoặc UBND.

Tỷ lệ UBND các cấp có cán bộ chủ chốt là nữ: Cấp tỉnh 1/1; cấp huyện 2/8; cấp xã: 27/71.

Tỷ lệ HĐND các cấp có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ: Cấp tỉnh 1/1; cấp huyện 4/8; cấp xã: 33/71.

Tỷ lệ Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 44,4% (12/27 đơn vị).

## **b. Mục tiêu 2. Trong lĩnh vực kinh tế, lao động**

- Các cấp đã triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, người có thu nhập thấp và tổ chức chỉ đạo thực hiện các chính sách thông qua các kế hoạch, quyết định phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các chính sách. Theo đó, phân công cụ thể cho các cấp, các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực

công nghiệp, dịch vụ, ngành sử dụng nhiều lao động... nhằm giải quyết việc làm cho lao động, trong đó thu hút thêm nhiều lao động nữ góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nữ từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ.

- Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn nhằm thu hút lực lượng lao động tại chỗ, phát triển kinh tế nông thôn, đẩy nhanh quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Cập nhật, nắm thông tin thị trường lao động, từng bước hoàn thiện hệ thống dữ liệu cung - cầu lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để người lao động thuận lợi trong việc tìm kiếm việc làm, trong đó có lao động nữ.

Kết quả thực hiện 2 chỉ tiêu của mục tiêu 2 tại địa phương

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương ước đạt 20%.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm ước đạt dưới 50%.

**c. Mục tiêu 3.** Trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới: Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao năng lực công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2024 với gần 625 đại biểu thuộc 8 huyện, thành phố tham dự.

- Toàn tỉnh có 71/71 xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình, 57 Câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình nhóm phòng, chống bạo lực gia đình; 659 mô hình hoạt động độc lập (151 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, 37 nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, 410 địa chỉ tin cậy, 61 đường dây nóng)

- Nhân dịp Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, Từ nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam hỗ trợ, tỉnh tổ chức thăm, tặng 170 suất học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trị giá 185 triệu đồng. Tổ chức tặng 90 suất quà cho trẻ em, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân bị xâm hại, bị bạo lực, mua bán, bóc lột trị giá 45 triệu. Trong đó, cấp tỉnh tặng 50 suất, trị giá 25 triệu đồng, huyện Đắk Mil tặng 40 suất, trị giá 20 triệu đồng. Dự án 10, Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi: Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài PTTH Đắk Nông thực hiện Chuyên mục “*Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới*”. Cụ thể: đã có 04 chuyên mục truyền hình Tiếng Việt và Biên dịch 04 chuyên mục truyền hình Tiếng M’Nông phát trên sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông: 04 chuyên mục; 03 chuyên mục phát thanh Tiếng Việt; Biên dịch 03 chuyên mục phát thanh Tiếng M’Nông phát trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên (VOV4). Nội dung tuyên truyền tập trung: nâng cao nhận thức, phổ biến pháp luật; các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ đồng bào DTTS tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; công tác bảo tồn di sản văn hóa của vùng đồng bào DTTS...

#### **d. Mục tiêu 4. Trong lĩnh vực y tế**

- Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, trong chăm sóc sức khỏe, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sinh con không phân biệt giới tính, phòng chống HIV...; Trẻ em gái vị thành niên được truyền thông tư vấn để biết chăm sóc sức khỏe sinh sản không mang thai ngoài ý muốn. Vận động nam giới tham gia chia sẻ trách nhiệm thực hiện KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em được quan tâm, bà mẹ mang thai được thăm khám định kỳ và tiêm chủng đầy đủ vacxin phòng chống uốn ván. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được ngành Y tế duy trì thường xuyên và có hiệu quả. Khám chữa bệnh bằng BHYT, trẻ em < 6 tuổi, người nghèo ... được tổ chức thực hiện đồng bộ, đạt được các mục tiêu chương trình Y tế quốc gia. Các trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và có bác sỹ thực hiện công tác khám chữa bệnh ban đầu, chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng cao. Công tác tiêm chủng mở rộng được tổ chức thực hiện đúng tiến độ, Trẻ em < 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin.

- Ngành Y tế là một ngành đặc thù, trong đó lao động nữ chiếm tỷ lệ khá cao 67,17% trên tổng số công chức, viên chức và người lao động (CCVCLĐ). Do đó, để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược bình đẳng giới do Bộ Y tế và UBND tỉnh quy định, hằng năm ngành Y tế đều xây dựng kế hoạch định hướng phát triển và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác bình đẳng giới nhằm đảm bảo ngày càng nhiều lao động nữ được tham gia vào tất cả các lĩnh vực, từ đó giúp phụ nữ khẳng định vị thế của mình trong cơ quan, đơn vị và xã hội, đồng thời tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia cống hiến sức lực, trí tuệ cũng như được hưởng thụ những thành quả tạo ra và quan trọng hơn là được quyền lựa chọn những điều mong muốn khi có đủ điều kiện và cơ hội như nam giới.

#### **e. Mục tiêu 5: trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**

- Trong năm 2024, nhiều trường học đã chủ động phối hợp với huyện, thành đoàn, Ban Dân tộc và Hội Liên hiệp phụ nữ của tỉnh và huyện, thành phố bằng nhiều hình thức phù hợp để tổ chức những chương trình phổ biến về giới, hôn nhân cận huyết, sức khỏe sinh sản vị thành niên; nổi bật có trường PTDTNT THCS&THPT các huyện: Đăk Mil, Đăk Glong, Cư Jut, Đăk R'lấp và Krông Nô đã có hơn 1.000 lượt các em học sinh được tham gia chương trình, góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh DTTS. Ngoài ra, các trường học cũng lồng ghép trong các giờ sinh hoạt chung, trải nghiệm bằng nhiều hình thức để thông tin; các giáo viên phổ biến kiến thức cho các em về hôn nhân cận huyết thống, tảo hôn và giới tính.

- 100% các cơ sở giáo dục, trường PTDT nội trú và PTDT bán trú đã làm tốt công tác tăng cường công tác phổ biến, thông tin cho các em học sinh từ lứa tuổi học sinh THCS đến THPT phải nắm được tác hại của việc lập gia đình sớm, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Nhìn chung, đến nay hệ thống các trường PTDT nội trú và PTDT bán trú đã làm tốt công tác tuyên truyền này. Hầu hết, các em học sinh đều hiểu rõ và biết cách tuyên truyền cho gia đình và người thân của mình. Tuy nhiên, tại các cơ sở giáo dục khác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*đặc biệt*

ở 02 huyện nghèo trên địa bàn tỉnh là: Tuy Đức và Đắk Glong có nhiều dân tộc Mông) thì việc tuyên truyền cho phụ huynh, học sinh chưa thực sự hiệu quả; vẫn còn nhiều tình trạng học sinh nghỉ học sớm để lập gia đình dẫn đến tỉ lệ học sinh bỏ học còn cao.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu 3 thuộc mục tiêu 5: Tỷ lệ học sinh nữ DTTS học ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%): đạt 49,14% (mục tiêu đến năm 2025 là 100%).

#### **g. Mục tiêu 6. Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.**

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và chiến dịch truyền thông nhằm tạo sự thay đổi trong nhận thức và thực hành về bình đẳng giới, về phân công lao động theo giới trong gia đình theo hướng tăng cường trách nhiệm của nam giới trong chia sẻ công việc nhà và chăm sóc các thành viên trong gia đình.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về giới cho người dân với các hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực, thường xuyên thông tin tuyên truyền trên hệ thống đài phát thanh các địa phương viết các tin bài chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới đăng trên zalo, facebook, trang tin tức đến địa phương. Người dân được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới qua thông tin đại chúng

Kết quả thực hiện 02 chỉ tiêu của mục tiêu 6: Chỉ tiêu 1: Ước đạt 85% dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới.

Chỉ tiêu 2: Ước 90% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới.

#### **h. Đánh giá việc thực hiện các giải pháp đã đề ra để khắc phục những tồn tại hạn chế của năm 2023**

- Việc triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, bằng các Nghị quyết, kế hoạch cụ thể tạo điều kiện cho chính quyền, địa phương thực hiện kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của người dân, được người dân nhiệt tình tham gia hưởng ứng. Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp đã chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành, phân công và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, nội dung của chương trình.

- Một số nội dung, chỉ tiêu khó thực hiện/hoặc không thực hiện được như “hỗ trợ ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số” do điều kiện tiếp cận công nghệ và trình độ nhận thức của phụ nữ DTTS còn hạn chế.

- Vướng mắc liên quan đến địa bàn, đối tượng do một số địa phương có xã ĐBKK theo quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 đã đạt nông thôn mới do vậy phạm vi địa bàn và đối tượng thụ hưởng bị thu hẹp so với thiết kế ban đầu của Dự án.

- Việc thực hiện các quy định quản lý và sử dụng vốn sự nghiệp theo Thông



tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của BTC: Qua thực tế triển khai các nhiệm vụ của Dự án, một số định mức chi tiêu còn thấp so với yêu cầu của Dự án (kinh phí thành lập, duy trì vận hành CLB Thủ lĩnh của sự thay đổi; Mô hình Tổ truyền thông cộng đồng); một số nội dung quy định chưa thật sự rõ ràng khiến các cơ quan tham gia thực hiện Dự án tại địa phương còn lúng túng, vướng mắc, chưa thống nhất cách hiểu trong triển khai.

- Nội dung của Dự án đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức triển khai, được quy định với nhiều định mức, nhiều chính sách khác nhau trong khi văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện chưa cụ thể, chưa thống nhất về quy trình lập thủ tục, hồ sơ (có nội dung thì cụ thể, có nội dung chỉ nói chung chung) rất khó khăn cho công tác nghiên cứu, áp dụng và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện

### **PHẦN III**

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1898/QĐ-TTg NGÀY 28/11/2017 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

### **1. Công tác quản lý về bình đẳng giới**

Thực hiện Quyết định 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025” và Công văn số 39/UBND-DTTS, ngày 16/01/2018 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 1898; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch 198/KH-UBND, ngày 2/5/2018 của UBND về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Đồng thời, triển khai thực hiện Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030; Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Ủy Ban Dân tộc về việc phê duyệt Kế hoạch Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 18/02/2022 triển khai thực hiện Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025”. Nhằm mục tiêu chung là tăng hiệu quả của các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới và phát huy các phong tục tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong thực hiện bình đẳng giới và nâng cao vị thế của phụ nữ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thúc đẩy thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Mục tiêu cụ thể là phấn đấu đến năm 2025:

+ 100% cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hàng năm.

+ 90-100% hộ gia đình là người dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về chính sách pháp luật về bình đẳng giới.

+ 100% già làng, trưởng bản, người có uy tín ở các xã đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống được phổ biến pháp luật về bình đẳng giới và tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về tuyên truyền chính sách pháp luật về bình đẳng giới.

+ Nhận thức về bình đẳng giới của nhóm đối tượng trong cộng đồng tăng từ 5 -10% so với năm 2021.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ truyền thông giới tiếng dân tộc theo địa bàn để phát huy hiệu quả truyền thông về bình đẳng giới:

+ 100% cán bộ làm công tác dân tộc, làm công tác liên quan đến bình đẳng giới được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng hoạt động bình đẳng giới.

+ Đạt 95% các địa phương xây dựng quy ước, hương ước của cộng đồng dân tộc thiểu số đã được thông qua không có sự phân biệt đối xử về giới.

- Phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

## **2. Các hoạt động triển khai thực hiện Đề án**

Thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg, ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025”; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 02/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”; Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình truyền thông về bình đẳng giới trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 -2025”. Hàng năm, Ban Dân tộc đều xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới.

Năm 2024, Ban Dân tộc xây dựng Kế hoạch số 55/KH-BDT, ngày 12/1/2024 về việc triển khai thực hiện hoạt động bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024 và Kế hoạch bổ sung số 704/KH-BDT, ngày 02/7/2024 của Ban Dân tộc về tổ chức Hội nghị tuyên truyền về bình đẳng giới tại xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong. Trong năm 2024, Ban Dân tộc tổ chức 07 hội nghị tuyên truyền, phổ biến với các nội dung tuyên truyền gồm Luật Bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật hôn nhân và gia đình; Đề án “Xây dựng xã, phường, thị trấn sạch về ma túy” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2024 – 2025, mục tiêu đến 2030 và một số nội dung liên quan đến các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội mới ban hành. Trọng tâm là Luật căn cước; Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2024, trong tháng 10 và tháng 11 năm 2024, Ban Dân tộc đã tổ chức 08 hội nghị tại 08 Trường PTDTNT THCS&THPT ở các huyện và Thành phố Gia Nghĩa, với thành phần là học sinh các khối lớp 6-12 của Trường PTDTNT THCS&THPT ở các huyện và tỉnh. Nội dung tuyên truyền pháp luật về dân số, những điều cấm trong Luật hôn nhân và gia đình, đề cao và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng thôn, trưởng bản, người có uy tín

trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia thực hiện tuyên truyền, vận động đồng bào xóa bỏ những hủ tục lạc hậu và phòng, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Bên cạnh đó, hội nghị lồng ghép tuyên truyền về Đề án “Xây dựng xã, phường, thị trấn sạch về ma túy” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2024 – 2025, mục tiêu đến 2030 và một số nội dung liên quan đến các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội mới ban hành.

### **3. Kinh phí thực hiện Đề án**

Năm 2024, từ nguồn ngân sách tỉnh, UBND tỉnh phân bổ cho Ban Dân tộc với tổng kinh phí để thực hiện đề án là 103 triệu đồng để triển khai tuyên truyền Đề án tuyên truyền bình đẳng giới trong vùng dân tộc thiểu số.

## **PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

- Công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ nhận được sự quan tâm của lãnh đạo và chính quyền các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội. Công tác truyền thông về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được các cấp, các ngành chú trọng triển khai, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới và nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự đồng thuận, ủng hộ của cả hệ thống chính trị và người dân về vai trò của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý. Nhìn chung, tỷ lệ nữ tham gia công tác quản lý, lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở tỉnh Đắk Nông tăng lên qua các nhiệm kỳ, vị thế người phụ nữ trong xã hội ngày càng được nâng cao; Các cơ quan, đơn vị đã có sự phối hợp trong thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

### **2. Khó khăn, vướng mắc**

- Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND ở cả ba cấp đều có chiều hướng tăng lên trong các nhiệm kỳ. Tuy nhiên, qua mỗi nhiệm kỳ, tỷ lệ tăng dao động còn thấp, riêng cấp xã giảm 0,7% so với nhiệm kỳ 2016-2021. Tỷ lệ Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là người đứng đầu còn thấp, đạt 14,8% (4/27 đơn vị).

- Địa bàn các xã nghèo, huyện nghèo, có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, cư dân sống bằng nông nghiệp là chủ yếu, phong tục tập quán khác nhau, trình độ dân trí còn hạn chế cũng là một trong những khó khăn trong công tác triển khai thực hiện Đề án.

- Việc lồng ghép nội dung, phương pháp tuyên truyền về vấn đề bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình hành động của một số đơn vị, địa phương chưa thực sự đổi mới, linh hoạt.

- Công tác xử lý các trường hợp bạo lực gia đình và bị bạo lực tại cơ sở còn lúng túng, chưa đưa ra dân kiểm điểm để người dân nhận ra vi phạm; việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vấn đề bất bình đẳng, bạo lực gia đình còn chưa kịp thời.

- Công tác nắm bắt tình hình bình đẳng giới, bạo lực gia đình gặp nhiều khó khăn vì họ không khai báo và sống tập trung ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đường sá đi lại khó khăn.

- Kinh phí bố trí cho việc triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số” đối với cấp huyện là không có, chủ yếu thực hiện Đề án lồng ghép với các chương trình, chính sách khác

### **3. Nguyên nhân**

- Kinh phí bố trí cho công tác bình đẳng giới tại các huyện, thành phố rất thấp hoặc không có.

- Cấp ủy Đảng và chính quyền ở một số cơ quan, đơn vị, cơ sở chưa thực sự quan tâm đúng mức đến việc thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Định kiến giới vẫn còn tồn tại trong các cơ quan, đơn vị, gia đình, cộng đồng là rào cản lớn cho tiến trình thực hiện bình đẳng giới.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới nhìn chung còn thiếu về số lượng, hạn chế về kiến thức, kỹ năng và thiếu kinh nghiệm trong tổ chức triển khai nhiệm vụ.

### **4. Phương hướng thực hiện năm 2025:**

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; trách nhiệm quản lý của chính quyền các cấp trong việc nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác vì sự tiến bộ của nữ, thúc đẩy bình đẳng giới.

- Tăng cường quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 06/4/2021 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch số 560/KH-UBND về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1898/QĐ-TTg, ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025”; Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình truyền thông về bình đẳng giới trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 -2025”

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 520/KH-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về kế hoạch thực hiện chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp vì sự tiến bộ của nữ do Ủy ban

quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn.

- Theo dõi, tổng hợp đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2025 trên địa bàn tỉnh; thông tin, truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai công tác bình đẳng giới gắn với thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia.

## **PHẦN V**

### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc quan tâm, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg, ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025” để Ban Dân tộc tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Bình Đẳng giới trong năm 2025 ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc quan tâm, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo BDT;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng BDT;
- Lưu: VT, TTr (Trg).

**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Quách Công Ban**

**Phụ lục I**  
**SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NỮ GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO TRONG**  
**CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CÁC CẤP**  
**NHIỆM KỲ 2021-2025**

(Kèm theo báo cáo số: /BC-BDT ngày tháng 12 năm 2024  
của Ban Dân tộc)

| Số TT | Địa phương      | Nữ DTTS tham gia Hội đồng nhân dân các cấp |      |           |       |            |       | Nữ DTTS giữ chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan quản lý nhà nước |      |           |      |           |      |
|-------|-----------------|--------------------------------------------|------|-----------|-------|------------|-------|-----------------------------------------------------------------|------|-----------|------|-----------|------|
|       |                 | Cấp tỉnh                                   | %    | Cấp huyện | %     | Cấp xã     | %     | Cấp tỉnh                                                        | %    | Cấp huyện | %    | Cấp xã    | %    |
| (1)   | (2)             | (3)                                        | (4)  | (5)       | (6)   | (7)        | (8)   | (9)                                                             | (10) | (11)      | (12) | (13)      | (14) |
|       |                 | 03                                         | 3,66 |           |       |            |       | 10                                                              | 5,75 |           |      |           |      |
| 1     | Huyện Cư Jút    |                                            |      | 3         | 0,09  | 19         | 1,091 |                                                                 |      | 11        | 0,17 | 19        | 0,27 |
| 2     | Huyện Krông Nô  |                                            |      | 9         | 25,71 | 70         | 25,27 |                                                                 |      | 5         | 13,5 | 41        | 24,7 |
| 3     | Huyện Đắk Mil   |                                            |      | 61        | 21,78 | 55         | 22,08 |                                                                 |      |           |      |           |      |
| 4     | Huyện Đắk Song  |                                            |      | 3         | 9.67  | 6          | 10    |                                                                 |      |           |      |           |      |
| 5     | Huyện Đắk Glong |                                            |      | 1         | 3,45  |            |       |                                                                 |      | 02        | 6,25 | 0         |      |
| 6     | Huyện Tuy Đức   |                                            |      | 1         | 3,6   | 21         | 13,21 |                                                                 |      | 02        | 1,44 | 02        | 1,3  |
| 7     | Huyện Đắk Rlấp  |                                            |      |           |       |            |       |                                                                 |      |           |      |           |      |
| 8     | TP Gia Nghĩa    |                                            |      | 01        | 3,7   | 8          | 19,51 |                                                                 |      | 03        | 4,8  | 05        | 22,7 |
|       | <b>Tổng</b>     | <b>03</b>                                  |      | <b>79</b> |       | <b>198</b> |       | <b>10</b>                                                       |      | <b>23</b> |      | <b>67</b> |      |

**Phụ lục II****MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG BÌNH ĐẲNG GIỚI (THEO QĐ 1898/QĐ-TTG NGÀY 28/11/2017) TẠI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024**

(Kèm theo báo cáo số: / BC-BDT ngày tháng 12 năm 2024  
của Ban Dân tộc)

| Số TT       | Địa phương            | Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức |                        | Các hoạt động truyền thông (hội nghị tuyên truyền, sinh hoạt ngoại khóa, hội thi...) |                        | Sản phẩm truyền thông (tờ rơi, tờ gấp, pano, áp phích) | Tư vấn pháp luật về BDG |                      | Mô hình can thiệp |
|-------------|-----------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|-------------------|
|             |                       | Tổng số lớp                   | Số lượt người tham gia | Tổng số cuộc                                                                         | Số lượt người tham gia |                                                        | Số cuộc tư vấn          | Số người được tư vấn |                   |
| (1)         | (2)                   | (3)                           | (4)                    | (5)                                                                                  | (6)                    | (7)                                                    | (8)                     | (9)                  | (10)              |
|             | Ban Dân tộc tỉnh      | 06                            | 335                    | 0                                                                                    | 0                      | 0                                                      | 0                       | 0                    |                   |
|             | Sở LĐTB&XH            | 11                            | 5.087                  | 0                                                                                    | 0                      | 400                                                    | 0                       | 0                    |                   |
|             | Hội Liên hiệp PN tỉnh | 0                             | 0                      | 0                                                                                    | 0                      | 0                                                      | 0                       | 0                    |                   |
| 1           | Huyện Cư Jút          | 01                            | 40                     | 26                                                                                   | 2.000                  | 2.000                                                  | 0                       | 0                    |                   |
| 2           | Huyện Đắk Mil         |                               |                        | 16                                                                                   | 1.200                  | 0                                                      | 0                       | 0                    |                   |
| 3           | Huyện Đắk Song        | 04                            | 953                    | 4                                                                                    | 953                    | 7.000                                                  | 0                       | 0                    |                   |
| 4           | Huyện Đắk Rlấp        |                               |                        |                                                                                      |                        |                                                        |                         |                      |                   |
| 5           | Huyện Tuy Đức         | 32                            | 2.282                  | 05 hội thi                                                                           | 252                    | 5.100 tờ rơi                                           | 12                      | 960                  |                   |
|             |                       | 15                            | 1.120                  | 03                                                                                   | 543                    | 06                                                     | 0                       | 0                    |                   |
| 6           | Huyện Krông Nô        | 0                             | 0                      | 6                                                                                    | 300                    | 63 băng rôn; 10.000 tờ rơi                             | 0                       | 0                    |                   |
| 7           | Huyện Đắk Glong       | 7                             | 415                    | 7                                                                                    | 2.050                  | 0                                                      | 2                       | 2                    |                   |
| 8           | Thành phố Gia Nghĩa   | 02                            | 220                    | 01                                                                                   | 50                     | 0                                                      | 0                       | 0                    |                   |
| <b>Tổng</b> |                       | <b>78</b>                     | <b>10.452</b>          | <b>68</b>                                                                            | <b>6.805</b>           | <b>24.569</b>                                          | <b>14</b>               | <b>960</b>           |                   |

**Phụ lục III**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BÌNH ĐẲNG GIỚI**  
**VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**  
**VÀ NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2025**

(Kèm theo báo cáo số:        / BC- BDT ngày    tháng 12 năm 2024  
của Ban Dân tộc)

**1. Kinh phí thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017**

| Số TT         | Tên đơn vị            | Kinh phí thực hiện<br>(đơn vị tr. đồng)          |             |             |                     |             |             |             |                                 | Ghi chú |
|---------------|-----------------------|--------------------------------------------------|-------------|-------------|---------------------|-------------|-------------|-------------|---------------------------------|---------|
|               |                       | Kinh phí được giao thực hiện giai đoạn 2018-2024 |             |             |                     |             |             |             | Nhu cầu<br>kinh phí<br>năm 2025 |         |
|               |                       | Năm<br>2018                                      | Năm<br>2019 | Năm<br>2020 | Năm<br>2021         | Năm<br>2022 | Năm<br>2023 | Năm<br>2024 |                                 |         |
| (1)           | (2)                   | (3)                                              | (4)         | (5)         | (6)                 | (7)         | (8)         | (9)         | (10)                            | (11)    |
| I             | BANDÂN<br>TỘC         | 0                                                | 85.000      | 85.000      | Không<br>triển khai | 90.000      | 90.000      | 103.000     | 175.950                         |         |
| II            | ĐỊA<br>PHƯƠNG         |                                                  |             |             |                     |             |             |             |                                 |         |
| 1             | Đắk Mil               | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 50.000      | 50.000                          |         |
| 2             | TP Gia<br>Nghĩa       | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 30.000                          |         |
| 3             | Huyện<br>Krông Nô     | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 40.000                          |         |
| 4             | Huyện<br>Đắk<br>Glong | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 0                               |         |
| 5             | Huyện<br>Đắk Song     | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 0                               |         |
| 6             | Huyện<br>Đắk Rlấp     | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 0                               |         |
| 7             | Huyện<br>Cư Jút       | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 0                               |         |
| 8             | Huyện<br>Tuy Đức      | 0                                                | 0           | 0           | 0                   | 0           | 0           | 0           | 0                               |         |
| Tổng kinh phí |                       |                                                  | 85.000      | 85.000      |                     | 90.000      | 90.000      | 150.000     | 295.950                         |         |

**2. Kinh phí thực hiện CTMTQG và Chương trình, dự án khác**

| Số TT | Tên đơn vị                                  | Kinh phí thực hiện |                                       | Nhu cầu kinh phí năm 2025 |                              |
|-------|---------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
|       |                                             | CTMTQG năm 2024    | Các Chương trình, dự án khác năm 2024 | CTMTQG                    | Các Chương trình, dự án khác |
| (1)   | (2)                                         | (3)                | (4)                                   | (5)                       | (6)                          |
| I     | CƠ QUAN CÔNG TÁC DÂN TỘC CẤP TỈNH/THÀNH PHỐ |                    |                                       |                           |                              |
| 1     | Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh                   | 2.387.812          | 0                                     | 0                         | 0                            |



|               |                     |           |           |           |         |
|---------------|---------------------|-----------|-----------|-----------|---------|
| 2             | Ban Dân tộc         |           | 103.0 00  |           | 175.950 |
|               |                     |           |           |           |         |
| II            | ĐỊA PHƯƠNG          |           |           |           |         |
| 1             | Huyện Đắk Mil       | 304.000   | 90.000    | 0         | 0       |
| 2             | Huyện Tuy Đức       | 631.108   | Không     | 0         | 0       |
| 3             | Huyện Đắk Song      | 304.000   | 30.000    | 238.000   | 30      |
| 4             | Huyện Krông Nô      | 0         | 1.156.000 | 0         | 150.000 |
| 5             | Huyện Đắk Glong     | 2.070.000 |           | 1.000.000 |         |
| 6             | Huyện Đắk Rlấp      |           |           |           |         |
| 7             | Huyện Cư Jút        | 244.000   | 0         | 0         | 0       |
| 8             | Thành phố Gia Nghĩa | 0         | 0         | 0         | 0       |
| Tổng kinh phí |                     | 5.940.812 | 1.379.000 | 1.238.000 | 325.950 |